

UBND XÃ CẨM DUỆ

DANH SÁCH DIỆN TÍCH LÂM NGHIỆP KHÔNG CÓ HỒ SƠ PHÁP LÝ CHƯA ĐỦ ĐIỀU KIỆN HỖ TRỢ

(Kèm theo Văn bản số /UBND-KT ngày tháng năm 2026 của UBND xã Cẩm Duệ)

TT	HỌ GIA ĐÌNH	Thôn	Diện tích chưa đủ điều kiện (m2)				Ghi chú
			Diện tích mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác		Diện tích trên 1/2 chu kỳ khai thác		
			Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
1	Hoàng Trọng Hùng	Mỹ Hà	10000	0	0	10000	Không có hồ sơ pháp lý
2	Trần Văn Loán	Mỹ Hà	0	10000	0	0	Không có hồ sơ pháp lý
3	Hoàng Văn Cát	Mỹ Hà	0	10000	0	0	Không có hồ sơ pháp lý
4	Bùi Đức Kỳ	Mỹ Hà	0	10000	0	0	Không có hồ sơ pháp lý
5	Lê Đình Tịnh	Mỹ Hà	0	10000	0	0	Không có hồ sơ pháp lý
6	Phan Khắc Văn	Mỹ Hà	10000	0	0	0	Không có hồ sơ pháp lý
7	Dương Văn Dũng	Mỹ Hà	0	0	0	10000	Không có hồ sơ pháp lý
8	Trần Văn Lâm	Mỹ Hà	10000	0	0	0	Không có hồ sơ pháp lý
9	Lê Thị Hoa	Mỹ Hà	0	0	10000	0	Không có hồ sơ pháp lý
10	Nguyễn Văn Cương	Mỹ Hà	10000	0	10000	0	Không có hồ sơ pháp lý
11	Nguyễn Doãn Thới	Mỹ Hà	0	0	0	10000	Không có hồ sơ pháp lý
12	Trần Văn Lợi	Mỹ Hà	0	0	0	10000	Không có hồ sơ pháp lý
13	Phạm Văn Hóa	Mỹ Đông	0	2000	0	0	Không có hồ sơ pháp lý
14	Lê Văn Bình	Mỹ Đông	0	1500	0	0	Không có hồ sơ pháp lý
15	Lê Thị Lan	Mỹ Đông	0	0	0	10000	Không có hồ sơ pháp lý
16	Trần Xuân Sơn	Mỹ Đông	0	0	0	10000	Không có hồ sơ pháp lý
17	Nguyễn Thị Minh	Mỹ Đông	0	0	0	2000	Không có hồ sơ pháp lý
18	Lê Văn Hạnh	Mỹ Đông	0	6000	0	0	Không có hồ sơ pháp lý
19	Phan Thanh Hùng	Mỹ Đông	0	0	0	8000	Không có hồ sơ pháp lý
20	Bùi Đức Tiến	Mỹ Đông	0	0	0	10000	Không có hồ sơ pháp lý
21	Bùi Đức Toàn	Mỹ Đông	0	0	0	20000	Không có hồ sơ pháp lý
22	Bùi Thị Thắng	Mỹ Đông	0	2000	0	0	Không có hồ sơ pháp lý
23	Bùi Đức Lý	Mỹ Đông	0	20000	0	0	Không có hồ sơ pháp lý
24	Bùi Đức Bắc	Mỹ Đông	0	5000	0	0	Không có hồ sơ pháp lý
25	Nguyễn Đức Tiến	Mỹ Lâm	0	0	0	40000	Không có HS pháp lý
26	Phạm Thị Thiện	Mỹ Lâm	0	0	0	2000	Không có HS pháp lý
27	Nguyễn Anh Đức	Mỹ Lâm	0	0	0	10000	Không có HS pháp lý
28	Trần Xuân Lưu	Mỹ Lâm	0	0	0	20000	Không có HS pháp lý
29	Nguyễn Quang Trị	Mỹ Lâm	0	0	0	1000	Không có hồ sơ pháp lý
30	Phạm Chiến	Mỹ Lâm	0	0	0	1500	Không có hồ sơ pháp lý

TT	HỌ GIA ĐÌNH	Thôn	Diện tích chưa đủ điều kiện (m2)				Ghi chú
			Diện tích mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác		Diện tích trên 1/2 chu kỳ khai thác		
			Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
31	Đào Xuân Hương	Mỹ Lâm	0	0	0	1500	Không có hồ sơ pháp lý
32	Trần Văn Đông	Mỹ Lâm	0	0	0	4000	Không có hồ sơ pháp lý
33	Nguyễn Văn Mạo	Mỹ Lâm	0	0	0	1000	Không có hồ sơ pháp lý
34	Dương Văn Hạnh	Mỹ Lâm	0	0	0	15000	Không có HS pháp lý
35	Trần Thị Nhiệm	Mỹ Lâm	0	0	0	1000	Không có hồ sơ pháp lý
36	Nguyễn Văn Dân	Mỹ Lâm	0	0	0	1000	Không có hồ sơ pháp lý
37	Dương Văn Mỹ	Mỹ Lâm	0	0	0	15000	Không có HS pháp lý
38	Dương Văn Thân	Mỹ Lâm	0	0	0	1000	Không có hồ sơ pháp lý
39	Bùi Văn Hà	Mỹ Lâm	0	0	0	1500	Không có hồ sơ pháp lý
40	Dương Thị Thường	Mỹ Lâm	0	0	0	5000	Không có hồ sơ pháp lý
41	Lê Khắc Châu	Mỹ Lâm	0	0	0	5000	Không có hồ sơ pháp lý
42	Dương Thị Huệ	Mỹ Lâm	0	0	0	5000	Không có hồ sơ pháp lý
43	Nguyễn Văn Hải	Mỹ Lâm	0	0	0	5000	Không có hồ sơ pháp lý
44	Võ Văn Thắng	Mỹ Lâm	0	0	0	10000	Không có HS pháp lý
45	Nguyễn Thị Mai	Mỹ Lâm	0	0	0	2000	Không có hồ sơ pháp lý
46	Nguyễn Văn Minh	Mỹ Lâm	0	0	0	3000	Không có hồ sơ pháp lý
47	Hà Văn Sinh	Mỹ Lâm	0	0	0	6000	Không có hồ sơ pháp lý
48	Trần Đình Hùng	Mỹ Lâm	0	0	0	1500	Không có hồ sơ pháp lý
49	Trần Công Thịnh	Mỹ Lâm	0	0	0	2000	Không có hồ sơ pháp lý
50	Dương Văn Long	Mỹ Lâm	0	0	0	12000	Không có HS pháp lý
51	Dương Đình Luyến	Mỹ Lâm	0	0	0	10000	Không có HS pháp lý
52	Trần Xuân Miên	Mỹ Lâm	0	0	0	5000	Không có hồ sơ pháp lý
53	Trần Văn Minh	Mỹ Lâm	0	0	0	10000	Không có HS pháp lý
54	Võ Thị Huệ	Mỹ Lâm	0	0	0	5000	Không có hồ sơ pháp lý
55	Bùi Thị Xuân	Mỹ Lâm	0	0	0	2000	Không có hồ sơ pháp lý
56	Võ Tá Lam	Mỹ Lâm	0	0	0	3000	Không có hồ sơ pháp lý
57	Lê Đình Hà	Mỹ Lâm	0	0	0	20000	Không có HS pháp lý
58	Hoàng Thị Ngự	Mỹ Lâm	0	0	0	1500	Không có hồ sơ pháp lý
59	Dương Thị Tài	Mỹ Lâm	0	0	0	1000	Không có hồ sơ pháp lý
60	Dương Hữu Tuấn	Mỹ Lâm	0	0	0	5000	Không có hồ sơ pháp lý
61	Phan Khắc Hợi	Mỹ Lâm	0	0	0	10000	Không có hồ sơ pháp lý
62	Đào Xuân Tý	Mỹ Lâm	0	0	0	10000	Không có hồ sơ pháp lý
63	Phan Khắc Thành	Mỹ Lâm	0	0	0	1000	Không có HS pháp lý

TT	HỌ GIA ĐÌNH	Thôn	Diện tích chưa đủ điều kiện (m2)				Ghi chú
			Diện tích mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác		Diện tích trên 1/2 chu kỳ khai thác		
			Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
64	Đào Thị Tỵ	Mỹ Lâm	0	0	0	3000	Không có hồ sơ pháp lý
65	Võ Thị Đàn	Mỹ Lâm	0	0	0	10000	Không có hồ sơ pháp lý
66	Trần Văn Hà	Mỹ Lâm	0	0	0	10000	Không có HS pháp lý
67	Phan Khắc Hải	Mỹ Lâm	0	0	0	2500	Không có hồ sơ pháp lý
68	Nguyễn Duy Hưng	Tân Duệ	0	1070	0	0	Không có hồ sơ pháp lý
69	Lê Hòe	Tân Duệ	0	10000	0	0	Không có hồ sơ pháp lý
70	Trương Thị Mai	Thống Nhất				1000	Không có hồ sơ pháp lý
71	Nguyễn Văn Chiến	Trung Thành	0	10000	0	10000	Không có hồ sơ pháp lý
72	Nguyễn Trọng Hải	Trung Thành	0	0	0	20000	Chưa có hồ sơ pháp lý
73	Dương Thị Tuyết	Mỹ Phú	0	5.000	0	0	Không có hồ sơ pháp lý
74	Lê Hữu Tỷ	Mỹ Phú	0	10.000	0	0	Không có hồ sơ pháp lý
75	Dương Đức	Mỹ Phú	0	5.000	0	0	Không có hồ sơ pháp lý
76	Bùi Hà	Mỹ Phú	0	0	0	10.000	Không có hồ sơ pháp lý
77	Đặng Thị Hoa	Mỹ Phú	0	5.000	0	0	Không có hồ sơ pháp lý
78	Lê Xuân Hòa	Mỹ Phú	0	10.000	0	0	Không có hồ sơ pháp lý
79	Lê Xuân Phương	Mỹ Phú	0	0	0	10.000	Không có hồ sơ pháp lý
80	Lê Hữu Phong	Mỹ Phú	0	5.000	0	5.000	Không có hồ sơ pháp lý
81	Lê Thị Vinh	Mỹ Phú	0	0	0	10.000	Không có hồ sơ pháp lý
82	Dương Văn Kỳ	Mỹ Phú	0	0	0	10.000	Không có hồ sơ pháp lý
83	Hoàng Thị Tuấn	Mỹ Phú	0	0	0	5.000	Không có hồ sơ pháp lý
84	Dương Văn Phúc	Mỹ Phú	0	0	0	15.000	Không có hồ sơ pháp lý
85	Phạm Văn Chiến	Mỹ Phú	0	5.000	0	5.000	Không có hồ sơ pháp lý
86	Phạm Văn Tiến	Mỹ Phú	0	15.000	0	0	Không có hồ sơ pháp lý
87	Nguyễn Gia Kháng	Mỹ Phú	0	10.000	0	0	Không có hồ sơ pháp lý
88	Nguyễn Gia Chiến	Mỹ Phú	0	10.000	0	0	Không có hồ sơ pháp lý
89	Đặng Viêt Định	Mỹ Phú	0	10.000	0	0	Không có hồ sơ pháp lý
90	Nguyễn Công Căn	Mỹ Phú	0	10.000	0	0	Không có hồ sơ pháp lý
91	Dương Văn Trung	Mỹ Phú	0	10.000	0	10.000	Không có hồ sơ pháp lý
92	Nguyễn Thị Lan	Mỹ Phú	0	10.000	0	0	Không có hồ sơ pháp lý
93	Bùi Quang Hiền	Mỹ Phú	0	10.000	0	0	Không có hồ sơ pháp lý
94	Đặng Tuấn	Mỹ Phú	0	10.000	0	0	Không có hồ sơ pháp lý
95	Phan Thị Hoan	Mỹ Phú	0	5.000	0	0	Không có hồ sơ pháp lý
96	Lê Đình Tâm	Mỹ Phú	0	10.000	0	0	Không có hồ sơ pháp lý

TT	HỌ GIA ĐÌNH	Thôn	Diện tích chưa đủ điều kiện (m2)				Ghi chú
			Diện tích mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác		Diện tích trên 1/2 chu kỳ khai thác		
			Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
97	Nguyễn Xuân Hùng	Mỹ Phú	0	5.000	0	0	Không có hồ sơ pháp lý
98	Bùi Đức Vân	Mỹ Phú	0	5.000	0	10.000	Không có hồ sơ pháp lý
99	Dương Hữu Khuyên	Mỹ Phú	0	10.000	0	0	Không có hồ sơ pháp lý
	TỔNG		40000	272570	20000	502000	

DANH SÁCH DIỆN TÍCH LÂM NGHIỆP KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN HỖ TRỢ
(Kèm theo Văn bản số /UBND-KT ngày tháng năm 2026 của UBND xã Cẩm Duệ)

TT	HỌ GIA ĐÌNH	Thôn	Diện tích chưa đủ điều kiện (m2)				Ghi chú
			Diện tích mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác		Diện tích trên 1/2 chu kỳ khai thác		
			Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
1	Dương Hữu Bình	Mỹ Đông	0	0	0	900	Kê khai ban đầu vượt quá bia
2	Dương Hữu Đề	Mỹ Đông	0	20000	0	7000	Kê khai ban đầu vượt quá bia
3	Võ Tá Khuyến	Mỹ Đông	0	20000	0	6000	Kê khai ban đầu vượt quá bia
4	Phan Khắc Đào	Mỹ Đông	0	1700	0	2000	Kê khai ban đầu vượt quá bia
5	Nguyễn Đình Phú	Mỹ Đông	0	0	0	4000	Kê khai ban đầu vượt quá bia
6	Nguyễn Đình Thương	Mỹ Đông	0	0	0	3000	Kê khai ban đầu vượt quá bia
7	Dương Trí Ái	Mỹ Đông	0	1000	0	0	Kê khai ban đầu vượt quá bia
8	Ngô Văn Luân	Mỹ Đông	0	9000	0	0	Kê khai ban đầu vượt quá bia
9	Phạm Văn Ngô	Mỹ Đông	0	0	0	2756	Kê khai ban đầu vượt quá bia
10	Bùi Đức Chiến	Mỹ Đông	0	0	0	933,1	Kê khai ban đầu vượt quá bia
11	Hồ Thị Công	Mỹ Đông	0	0	0	9000	Kê khai ban đầu vượt quá bia
12	Bùi Đức Huy	Mỹ Đông	0	2922,9	0	0	Kê khai ban đầu vượt quá bia
13	Phạm Thị Sứ	Mỹ Đông	0	3028,5	0	0	Kê khai ban đầu vượt quá bia
14	Dương Hữu Châu	Mỹ Đông	0	0	0	213,6	Kê khai ban đầu vượt quá bia
15	Đặng Ngọc Lan	Mỹ Đông	0	17956,9	0	0	Kê khai ban đầu vượt quá bia
16	Dương Hữu Bình	Mỹ Đông	0	11082	0	0	Kê khai ban đầu vượt quá bia
17	Bùi Đức Báu	Mỹ Đông	0	1159,7	0	6752,7	Kê khai ban đầu vượt quá bia
18	Đặng Ngọc Quế	Mỹ Đông	0	8000	0	0	Kê khai ban đầu vượt quá bia
19	Bùi Đức Hân	Mỹ Đông	0	5000	0	19807,1	Kê khai ban đầu vượt quá bia
20	Nguyễn Xuân Hồng	Mỹ Đông	0	9500	0	0	Kê khai ban đầu vượt quá bia
21	Bùi Đức Ất	Mỹ Đông	0	1000	0	0	Kê khai ban đầu vượt quá bia
22	Bùi Nhật Thành	Mỹ Đông	0	0	0	1927,8	Kê khai ban đầu vượt quá bia
23	Bùi Đức Quân	Mỹ Đông	0	8577,6	0	0	Kê khai ban đầu vượt quá bia
24	Lê Văn Nam	Mỹ Đông	0	0	0	4000	Kê khai ban đầu vượt quá bia
25	Phạm Đăng Hà	Mỹ Lâm	0	0	0	26,3	Đủ ĐK một phần, DT vượt quá bia
26	Nguyễn Văn Hải	Mỹ Lâm	0	0	0	3398,9	Đủ ĐK một phần, DT vượt quá bia
27	Phạm Văn Lịch	Mỹ Lâm	0	0	0	1000	Đủ ĐK một phần, DT vượt quá bia
28	Nguyễn Văn Thành	Mỹ Lâm	0	0	0	107	Đủ ĐK một phần, DT vượt quá bia
29	Dương Hữu Huệ	Mỹ Lâm	0	0	0	19321,5	Đủ ĐK một phần, DT vượt quá bia
30	Dương Văn Lục	Mỹ Lâm	0	0	0	13000	Đủ ĐK một phần, DT vượt quá bia
31	Dương Hữu Dân	Mỹ Lâm	0	0	0	3000	Đủ ĐK một phần, DT vượt quá bia
32	Hà Văn Khanh	Mỹ Lâm	0	0	0	6002,3	Đủ ĐK một phần, DT vượt quá bia
33	Phạm Văn Bài	Mỹ Lâm	0	0	0	1000	Đủ ĐK một phần, DT vượt quá bia
34	Nguyễn Tổng Đình	Mỹ Lâm	0	0	0	5124,9	Đủ ĐK một phần, DT vượt quá bia
35	Phạm Văn Dũng	Mỹ Lâm	0	0	0	7249,5	Đủ ĐK một phần, DT vượt quá bia
36	Hoàng Thị Thuận	Mỹ Lâm	0	0	0	15109,5	Đủ ĐK một phần, DT vượt quá bia
37	Dương Hữu Diên	Mỹ Lâm	0	0	0	28803,7	Đủ ĐK một phần, DT vượt quá bia
38	Lê Quang Nghĩa	Mỹ Lâm	0	0	0	2328,7	Đủ ĐK một phần, DT vượt quá bia
39	Nguyễn Thắng	Tân Duệ	0	2851	0	0	Đủ điều kiện 1 phần, diện tích kê khai cao hơn bia

40	Bùi Hoi	Tân Duệ	0	194	0	0	Đủ điều kiện 1 phần, diện tích kê khai cao hơn bia
41	Nguyễn Thiện	Tân Duệ	0	488	0	0	Đủ điều kiện 1 phần, diện tích kê khai cao hơn bia
42	Trần Thị Phương	Tân Duệ	0	7171	0	0	Đủ điều kiện 1 phần, diện tích kê khai cao hơn bia
43	Bùi Khoa	Tân Duệ	0	250	0	0	Đủ điều kiện 1 phần, diện tích kê khai cao hơn bia
44	Đào Lương	Tân Duệ	0	2121	0	0	Đủ điều kiện 1 phần, diện tích kê khai cao hơn bia
45	Lê Thanh	Tân Duệ	0	0	0	4842	Đủ điều kiện 1 phần, diện tích kê khai cao hơn bia
46	Nguyễn Thị Nhung	Tân Duệ	0	0	0	10935	Đủ điều kiện 1 phần, diện tích kê khai cao hơn bia
47	Trần Bình	Tân Duệ	0	4496	0	0	Đủ điều kiện 1 phần, diện tích kê khai cao hơn bia
48	Phạm Nại	Tân Duệ	0	301	0	0	Đủ điều kiện 1 phần, diện tích kê khai cao hơn bia
49	Võ Tá Châu	Quốc Tiến		750			Đất vườn, đất tận dụng, không có hồ sơ pháp lý
50	Phan Dũng	Quốc Tiến				300	Đất vườn, đất tận dụng, không có hồ sơ pháp lý
51	Bùi Đức Công	Quốc Tiến		1500			Đất vườn, đất tận dụng, không có hồ sơ pháp lý
52	Dương Quốc Tuấn	Quốc Tiến			870		Đất vườn, đất tận dụng, không có hồ sơ pháp lý
53	Trần Thị Vinh	Quốc Tiến			2000		Đất vườn, đất tận dụng, không có hồ sơ pháp lý
54	Nguyễn Phi Đạt	Quốc Tiến			500		Đất vườn, đất tận dụng, không có hồ sơ pháp lý
55	Nguyễn Minh Lương	Quốc Tiến		1000			Đất vườn, đất tận dụng, không có hồ sơ pháp lý
56	Người cao tuổi	Quốc Tiến			1200		Đất vườn, đất tận dụng, không có hồ sơ pháp lý
57	Trần Văn Anh	Trung Thành	0	30	0	0	ĐT đủ ĐK một phần, DT kê khai cao hơn bia
58	Dương Hữu Thi	Mỹ Phú	0	10.000	0	0	Đủ điều kiện 1 phần, diện tích thiệt hại thấp hơn kê khai
59	Trần Ất	Mỹ Phú	0	5.000	0	0	Đủ điều kiện 1 phần, diện tích thiệt hại thấp hơn kê khai
60	Lê Thị Mỹ	Mỹ Phú	0	0	0	7.000	Đủ điều kiện 1 phần, diện tích thiệt hại thấp hơn kê khai
61	Đặng Văn Toản	Mỹ Phú	0	2.000	0	0	Đủ điều kiện 1 phần, diện tích thiệt hại thấp hơn kê khai
62	Đặng Văn Cẩm	Mỹ Phú	0	-9.000	0	15.000	Đủ điều kiện 1 phần, giảm định mức thiệt hại từ trên 1/2 chu kỳ khai thác xuống dưới 1/2 chu kỳ khai thác
63	Dương Hữu Hùng	Mỹ Phú	0	0	0	10.000	Đủ điều kiện 1 phần, diện tích còn lại không có hồ sơ pháp lý
64	Dương Hữu Hợp	Mỹ Phú	0	10.000	0	0	Đủ điều kiện 1 phần, diện tích thiệt hại thấp hơn kê khai
65	Dương Hữu Sức	Mỹ Phú	0	5.000	0	5.000	Đủ điều kiện 1 phần, diện tích thiệt hại thấp hơn kê khai
66	Đặng Viết Tịnh	Mỹ Phú	0	10.000	0	0	Đủ điều kiện 1 phần, diện tích thiệt hại thấp hơn kê khai
67	Nguyễn Công Tý	Mỹ Phú	0	0	0	10.000	Đủ điều kiện 1 phần, diện tích thiệt hại thấp hơn kê khai
68	Lê Hữu Quang	Mỹ Phú	0	10.000	0	0	Đủ điều kiện 1 phần, diện tích thiệt hại thấp hơn kê khai
69	Trần Văn Quang	Mỹ Phú	0	10.000	0	0	Đủ điều kiện 1 phần, diện tích thiệt hại thấp hơn kê khai
70	Nguyễn Đức Nguyên	Mỹ Lâm	0	0	0	6260	Bia Đất trồng cây lâu năm 740m2, nhận khoán Bảo tồn 3000m2 còn lại 6260 không có hs đủ dk
71	Nguyễn Công Sơn	Mỹ Đông	0		0	20000	Đủ ĐK một phần,
72	Dương Văn Phương	Mỹ Lâm	0	0	0	16471,9	Bia rừng phòng hộ đủ dk một phần
73	Lê Đức Tường	Mỹ Lâm	0	0	0	4123,7	Hồ sơ trích đo, RSX đủ dk một phần
	TỔNG		0	194079,6	4570	283695,2	

UBND XÃ CẨM DUỆ

DANH SÁCH DIỆN TÍCH LÂM NGHIỆP THUỘC BAN QUẢN LÝ KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN KẾ GỒ CHƯA ĐỦ ĐIỀU KIỆN HỖ TRỢ

(Kèm theo Văn bản số /UBND-KT ngày tháng năm 2026 của UBND xã Cẩm Duệ)

TT	HỌ GIA ĐÌNH	Thôn	Diện tích chưa đủ điều kiện (m2)				Diện tích rà soát (m2)	Ghi chú
			Diện tích mới trồng		Diện tích trên 1/2 chu			
			Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích		
1	Phạm Văn Bàn	Mỹ Lâm	0	0	0	1119,6	1119,6	Rừng giao khoán với BT 168 62000
2	Phan Khắc Ty	Mỹ Lâm	0	0	0	2000	2000	Rừng giao khoán với BT 13000m2
3	Bùi Thị Thắng	Mỹ Lâm	0	0	0	10000	10000	Rừng giao khoán với BT 13000m2
4	Nguyễn Đức Nguyên	Mỹ Lâm	0	0	0	3000	3000	Bia Đất trồng cây lâu năm 740m2, nhận khoán Bảo tồn 3000m2
5	Trần Như Minh	Mỹ Lâm	0	0	0	8000	4000	Rừng giao khoán với BT 168
6	Dương Văn Hùng	Mỹ Lâm	0	0	0	20000	2000	Rừng giao khoán với BT
7	Lê Đình La	Mỹ Lâm	0	0	0	10573,9	10573,9	Rừng giao khoán bảo tồn 22000m2
8	Lưu Như Hoan	Mỹ Lâm	0	0	0	6981,9	6981,9	Rừng nhận khoán BT 13600m2 168
9	Võ Văn Hằng	Mỹ Lâm	0	0	0	20000	6000	Rừng giao khoán với BT
10	Lê Quang Châu	Mỹ Lâm	0	0	0	10000	5000	Rừng giao khoán với BT
11	Nguyễn Phương	Tân Mỹ	0	0	40000	0	40000	Rừng giao khoán với BT 168, 840000m2
12	Trần Hòa -Thái Thị Yếng	Tân Mỹ	0	0	80000	0	80000	Rừng giao khoán với BT 168, 138000m2
13	Phạm Đăng Mậu	Mỹ Lâm	0	0	0	6827,4	6827,4	Bia rừng sản xuất do xã quản lý, phần còn lại hs rừng bảo tồn 9000
	Tổng		0	0	120000	98502,8	177502,8	

UBND XÃ CẨM DUỆ

DANH SÁCH DIỆN TÍCH LÂM NGHIỆP CÓ BÌA CÂY LÂU NĂM CHƯA ĐỦ ĐIỀU KIỆN HỖ TRỢ
(Kèm theo Văn bản số /UBND-KT ngày tháng năm 2026 của UBND xã Cẩm Duệ)

TT	HỌ GIA ĐÌNH	Thôn	Diện tích chưa đủ điều kiện (m2)				Diện tích rà soát (m2)	Ghi chú
			Diện tích mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác		Diện tích trên 1/2 chu kỳ khai thác			
			Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích		
1	Ngô Văn Tuấn	Mỹ Đông	0	20000	0	0	500,2	Bìa Đất trồng cây lâu năm
2	Nguyễn Huy Huyền	Mỹ Lâm	0	0	0	1500	1500	Bìa đất trồng cây lâu năm 1735m2
3	Nguyễn Thị Huy	Mỹ Lâm	0	0	0	2696	2659,1	Bìa Đất trồng cây lâu năm (2659.1)
4	Nguyễn Đức Nguyên	Mỹ Lâm	0	0	0	740	740	Bìa Đất trồng cây lâu năm 740m2, nhận khoán Bảo tồn 3000m2
5	Nguyễn Văn Lập	Mỹ Lâm	0	0	0	1500	830,7	Bìa Đất trồng cây lâu năm
6	Trần Văn Lập	Mỹ Lâm	0	0	0	3000	2667,1	Bìa Đất trồng cây lâu năm
7	Lê Đình Thanh	Mỹ Lâm	0	0	0	10000	1886,9	Bìa Đất trồng cây lâu năm
8	Lê Đắc Diên	Mỹ Lâm	0	0	0	1000	1000	Bìa Đất trồng cây lâu năm 1828,8
9	Lê Công Nuôi	Mỹ Lâm	0	0	0	15000	6006,3	Bìa Đất trồng cây lâu năm
10	Dương Văn Phụng	Mỹ Lâm	0	0	0	3000	2028,3	Bìa Đất trồng cây lâu năm
11	Trần Văn Đông	Mỹ Lâm	0	0	0	4000	1187,9	Bìa Đất trồng cây lâu năm
12	Dương Đình Đường	Mỹ Lâm	0	0	0	8000	3165,5	Bìa đất trồng cây lâu năm
13	Nguyễn Văn Hùng	Mỹ Lâm	0	0	0	4000	1555,4	Bìa Đất trồng cây lâu năm
14	Nguyễn Thị Hợi	Mỹ Lâm	0	0	0	2000	578,6	Bìa Đất trồng cây lâu năm
15	Lê Quang Nghĩa	Mỹ Lâm	0	0	0	2671,3	2671,3	Bìa Đất trồng cây lâu năm(2671.3)
16	Võ Thị Liên	Mỹ Lâm	0	0	0	1000	1000	Bìa Đất trồng cây lâu năm 1188,1m2
17	Hoàng Văn Hà	Mỹ Lâm	0	0	0	5000	1174,5	Bìa Đất trồng cây lâu năm
18	Phạm Văn Quyển	Mỹ Lâm	0	0	0	2000	1147,6	Bìa Đất trồng cây lâu năm
19	Dương Văn Khương	Mỹ Lâm	0	0	0	20000	437,6	Bìa Đất trồng cây lâu năm
20	Phan Thị Hương	Mỹ Lâm	0	0	0	4000	2757	Bìa Đất trồng cây lâu năm
21	Lê Thị Toàn	Mỹ Lâm	0	0	0	1000	1000	bìa Đất trồng cây lâu năm 3655,2m2
22	Lê Văn Đồng	Mỹ Lâm	0	0	0	4000	3504,0	Bìa Đất trồng cây lâu năm
23	Phan Duy Đồng	Mỹ Lâm	0	0	0	2000	2000	Bìa Đất trồng cây lâu năm (huyện, Đồng)
24	Đào Lạch	Tân Mỹ	0	0	500	0	500	Bìa Đất trồng cây lâu năm 1783,7m2
25	Phan Tâm	Tân Mỹ	0	0	500	0	500	Bìa Đất trồng cây lâu năm 512,4
26	Hoàng Luận	Tân Mỹ	0	0	300	0	300	Bìa Đất trồng cây lâu năm 1411,8m2
27	Nguyễn Hợi	Tân Mỹ	0	0	700	0	700	Bìa Đất trồng cây lâu năm 1643,8m2
28	Phan Mai	Tân Mỹ	0	0	500	0	410,4	Bìa Đất trồng cây lâu năm
29	Nguyễn thị Minh C	Tân Mỹ	0	0	1000	0	1000	Bìa Đất trồng cây lâu năm, DT 3185,2m2
30	Bùi Kết	Tân Duệ	0	10000	0	0	9219,7	Bìa Đất trồng cây lâu năm
31	Đặng Chức	Tân Duệ	0	3993,4	0	0	3939	Bìa Đất trồng cây lâu năm
32	Bùi Sơn	Tân Duệ	0	10000	0	0	6022,2	Bìa Đất trồng cây lâu năm
33	Nguyễn Tại	Tân Duệ	0	0	0	10000	4752	Bìa Đất trồng cây lâu năm
34	Phan Thanh	Tân Duệ	0	5229	0	0	5229	Bìa Đất trồng cây lâu năm
35	Hồ Văn Tinh	Trần Phú			500		456	bìa Đất trồng cây lâu năm, thỏa thuận Hồ Văn Ninh
36	Lê Thị Chiến	Thống Nhất				1200	1200	Bìa Đất trồng cây lâu năm, DT 1456,8m2
37	Bùi Văn Sinh	Thống Nhất			1100		673,7	Bìa Đất trồng cây lâu năm
38	Nguyễn Trọng Thành	Trung Thành	0	0	0	10500	10500	Bìa Đất trồng cây lâu năm, DT 11523,3m2
39	Hồ Văn Quý	Trung Thành	0	0	0	1300	712,6	Bìa Đất trồng cây lâu năm 712,6
40	Nguyễn Đức Phương	Trung Thành	0	500	0	0	500	Bìa Đất trồng cây lâu năm, DT 1479,5m2
41	Phan Thị Lý	Trung Thành	0	1500	0	0	596,6	Bìa Đất trồng cây lâu năm 596,6m2
42	Nguyễn Văn Hường	Trung Thành	0	700	0	0	700	Bìa Đất trồng cây lâu năm , DT 1197,6m2
43	Nguyễn Trọng Thắng	Trung Thành	0	500	0	0	500	Bìa Đất trồng cây lâu năm, DT 1950,1
44	Vương Thị Minh	Trung Thành	0	0	0	500	362,8	Bìa Đất trồng cây lâu năm, DT 362,8
45	Nguyễn Văn Vượng	Trung Thành	0	600	0	0	600	bìa Đất trồng cây lâu năm 794,4

TT	HỌ GIA ĐÌNH	Thôn	Diện tích chưa đủ điều kiện (m2)				Diện tích rà soát (m2)	Ghi chú
			Diện tích mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác		Diện tích trên 1/2 chu kỳ khai thác			
			Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích		
46	Hồ Văn Hóa	Trung Thành	0	0	0	500	269,8	Bia Đất trồng cây lâu năm, 269,8m2
47	Kiều Thị Cúc	Trung Thành	0	0	0	500	500	Bia Đất trồng cây lâu năm , DT 721,4
48	Nguyễn Thị Vân	Trung Thành	0	0		1700	1326,7	Bia Đất trồng cây lâu năm
49	Nguyễn Trọng Ân	Trung Thành	0	0		1200	1200	Bia Đất trồng cây lâu năm, DT 1283,4m2
50	Dương Hữu Hiệp	Mỹ Phú	0	10.000	0	0	3.157,6	Bia Đất trồng cây lâu năm
51	Dương Hữu Tuấn	Mỹ Phú	0	15.000	0	10.000	1.494,7	Bia Đất trồng cây lâu năm
52	Nguyễn Công Chắt	Mỹ Phú	0	5.000	0	0	4.937	Bia Đất trồng cây lâu năm
53	Đoàn Ngõn	Tân Mỹ	0	0	500	0	500	Bia đất trồng cây lâu năm 578,7
	Cộng		0,0	83.022,4	5.600,0	135.507,3	104.758,2	

UBND XÃ CẨM DUỆ
DANH SÁCH DIỆN TÍCH LÂM NGHIỆP CÓ TRÍCH ĐO CÂY LÂU NĂM CHƯA ĐỦ ĐIỀU KIỆN HỖ TRỢ
(Kèm theo Văn bản số /UBND-KT ngày tháng năm 2026 của UBND xã Cẩm Duệ)

TT	HỌ GIA ĐÌNH	Thôn	Diện tích chưa đủ điều kiện (m2)				Diện tích rà soát (m2)	Ghi chú
			Diện tích mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác		Diện tích trên 1/2 chu kỳ khai thác			
			Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích		
1	Phan Khắc Hải	Mỹ Đông	0	0	0	12000	12000	trích đo Đất trồng cây lâu năm 14249 m2
2	Nguyễn Văn Nam	Mỹ Đông	0	632,1	0	2000	2492,3	trích đo Đất trồng cây lâu năm
3	Nguyễn Đắc Đồng	Mỹ Đông	0	0	0	6000	4798,3	trích đo Đất trồng cây lâu năm
4	Phạm Văn Hương	Mỹ Đông	0	0	0	2500	2500	Trích đo Đất trồng cây lâu năm 3582,2
5	Lê Tổ Tân	Mỹ Đông	0	3800	0	0	2828	trích đo Đất trồng cây lâu năm
6	Dương Thị Trung	Mỹ Đông	0	4000	0	0	4000	trích đo Đất trồng cây lâu năm 4231,9
7	Dương Thị Xuyên	Mỹ Đông	0	2000	0	0	1192,3	trích đo Đất trồng cây lâu năm
8	Phạm Văn Trọng	Mỹ Đông	0	2000	0	0	1390,7	trích đo Đất trồng cây lâu năm
9	Lê Hữu Phước	Mỹ Đông	0	12000	0	0	6851,9	trích đo Đất trồng cây lâu năm
10	Phan Khắc Đạt	Mỹ Đông	0	3000	0	0	2872,7	trích đo Đất trồng cây lâu năm
11	Nguyễn Xuân Lam	Mỹ Đông	0	3000	0	0	2128,4	trích đo Đất trồng cây lâu năm
12	Bùi Đức Thập	Mỹ Đông	0	4000	0	0	4000	trích đo Đất trồng cây lâu năm 4398,8
13	Trần Thị Quyên	Mỹ Đông	0	6000	0	0	6000	trích đo Đất trồng cây lâu năm 7719,3
14	Phan Khắc Luận	Mỹ Đông	0	0	0	4000	1713,9	trích đo Đất trồng cây lâu năm
15	Bùi Đức Lượng	Mỹ Đông	0	10000	0	0	7209,1	Trích đo Đất trồng cây lâu năm,
16	Nguyễn Đức Tình	Mỹ Lâm	0	0	0	1000	495,4	Trích đo Đất trồng cây lâu năm
	Tổng		0	50432,1	0	27500	62473	

UBND XÃ CẨM DUỆ

DANH SÁCH DIỆN TÍCH LÂM NGHIỆP CÓ HỢP ĐỒNG 661, 327, HỒ SƠ DẪN DÂN CHƯA ĐỦ ĐIỀU KIỆN HỖ TRỢ

TT	HỌ GIA ĐÌNH	Thôn	Diện tích chưa đủ điều kiện (m2)				Diện tích rà soát	Ghi chú
			Diện tích mới trồng		Diện tích trên 1/2 chu			
			Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích		
1	Biện Xuân Thắng	Mỹ Hà	10000	0	0	0	10000	HS: HD 661
2	Nguyễn Văn Thuận	Mỹ Hà	0	5000	0	0	5000	HD 661, DT 35000m2
3	Nguyễn Văn Luyện	Mỹ Hà	0	10000	0	0	10000	HS: HD 661
4	Phan Thị Hằng	Mỹ Hà	0	0	0	20000	20000	HS: HD 661
5	Nguyễn Văn Thuyết	Mỹ Hà	0	0	10000	0	10000	Hồ sơ giãn dân, HD 661
6	Hà Văn Lâm	Mỹ Phú	0	5.000	0	0	5.000	Đất dân dân
7	Trần Đình Nhân	Mỹ Phú	0	10.000	0	0	10.000	Đất dân dân, 327, DT 30000m2
8	Trần Thị Thịnh	Mỹ Phú	0	10.000	0	0	10.000	Đất dân dân
9	Nguyễn Công Sơn	Mỹ Đông	0	20000	0	40000	60000	Đất dân dân
	TỔNG		10000	60000	10000	60000	140000	